

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **804** /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;*

*Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 09/3/2021 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Kế hoạch - Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Nghị**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 804 /QĐ-BXD ngày 30/6/2021*

*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của ngành Xây dựng nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đồng thời thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng, đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành Xây dựng trong thời gian tới.

2. Chương trình hành động là căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương, các doanh nghiệp trong toàn Ngành tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan, đơn vị đến năm 2030.

3. Trong quá trình triển khai Chương trình hành động, yêu cầu các đơn vị phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Quan điểm**

- Phát triển ngành Xây dựng theo hướng hiện đại, nhanh và bền vững, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; dựa trên cơ sở nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số. Chủ động



nắm bắt kịp thời, tận dụng tốt nhất các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chủ động hội nhập quốc tế.

- Lấy việc cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, là mục tiêu phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phân công, phân quyền một cách hợp lý, bảo đảm sự quản lý thống nhất, chỉ đạo thông suốt từ trung ương đến địa phương. Đặt việc phục vụ nhân dân làm trung tâm. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong toàn ngành Xây dựng.

- Gắn kết phát triển bền vững ngành Xây dựng với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện chính sách an sinh xã hội, nhất là trong lĩnh vực nhà ở.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống thể chế, công cụ quản lý, đảm bảo tính đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho các chủ thể tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng, đồng thời thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng.

- Nâng cao năng lực ngành Xây dựng đảm bảo đủ sức thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên khoáng sản, thân thiện với môi trường, có hàm lượng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu trong nước, tăng cường xuất khẩu vật liệu xây dựng cao cấp, phát triển các vật liệu xây dựng mới.

- Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hoà, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát triển mạnh các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ bản hoàn thành hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, công cụ quản lý; xây dựng mô hình chính quyền đô thị gắn với quản trị đô thị hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh; từng bước nâng cao chất lượng phát triển đô thị cả về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị có tầm nhìn dài hạn; hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng đô thị thông minh trong khu vực và thế giới; xây dựng các đô thị theo hướng đô thị xanh, có bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển.

- Góp phần hoàn thành cơ bản xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung của các đô thị trung tâm cả nước và các vùng đồng bộ, hiện đại, đủ năng lực phục vụ. Tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng tính kết nối giữa các đô thị trong nước và khu vực; gắn kết phát triển đô thị và nông thôn.

- Xây dựng cơ chế minh bạch đánh giá giá trị bất động sản theo cơ chế thị trường. Giải quyết cơ bản yêu cầu về nhà ở cho cư dân đô thị, mở rộng các loại hình nhà ở; có chính sách hỗ trợ đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội.

## **2.2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

(1) *Tốc độ tăng bình quân về giá trị sản xuất xây dựng: 8-10%/năm.*

(2) *Các chỉ tiêu về quy hoạch - kiến trúc:*

- Duy trì tỷ lệ 100% phủ kín quy hoạch chung đô thị.

- Tỷ lệ lập quy hoạch phân khu đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị.

- Quy hoạch xây dựng nông thôn: 100% xã thuộc huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới được lập, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã và thực hiện quản lý theo quy hoạch được duyệt.

- 100% các đô thị và điểm dân cư nông thôn có Quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt, ban hành.

(3) *Tỷ lệ đô thị hóa: đạt trên 50%.*

(4) *Các chỉ tiêu về hạ tầng:*

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng tại các đô thị lớn đạt 12-14%; tỷ lệ đất dành cho bến bãi đỗ xe đạt 1-2%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 20-30%.

- Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đạt 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với đô thị loại V trở lên.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 12%.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng tại các đô thị đặc biệt đạt 90%, các đô thị loại I trung bình khoảng 50%, các đô thị còn lại trung bình đạt 25%.

- Tỷ lệ chiếu sáng sử dụng nguồn sáng tiết kiệm năng lượng tại các đô thị lớn đạt 50%.

(5) *Các chỉ tiêu về nhà ở:*

- Diện tích nhà ở bình quân khoảng 30m<sup>2</sup>/người.



- Cơ bản xóa nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ trên cả nước (tỷ lệ dưới 0,5%); cơ bản không còn hộ gia đình sống trong các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng và thiếu điều kiện sinh hoạt cơ bản (tỷ lệ dưới 3%).

(6) Các chỉ tiêu về sản lượng một số vật liệu xây dựng chủ yếu:

- Tổng sản lượng xi măng đạt 135 triệu tấn.
- Gạch ốp lát đạt 950 triệu m<sup>2</sup>.
- Sứ vệ sinh đạt 24,5 triệu sản phẩm.
- Kính xây dựng đạt 400 triệu m<sup>2</sup>.
- Đá ốp lát đạt 21 triệu m<sup>2</sup>.

### III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thể chế, công cụ quản lý trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng, phù hợp với cơ chế thị trường, thực tiễn của Việt Nam và hội nhập quốc tế.**

a) Đổi mới tư duy trong công tác tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, công cụ quản lý bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, ổn định, cụ thể, minh bạch trong các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Luật Nhà ở; Luật sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Luật Kinh doanh bất động sản; Luật sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Luật Xây dựng; Luật Cấp, thoát nước; Luật Quản lý không gian ngầm; Luật Quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn.

- Thực hiện: các Cục, Vụ chuyên ngành, Vụ Pháp chế; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ xây dựng các đề án, văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

b) Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá xây dựng, khuyến khích áp dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng và góp phần chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đầu tư xây dựng.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: tiếp tục thực hiện theo đúng tiến độ các đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”, “Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện trong trường hợp cần thiết.

c) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát hệ thống văn bản, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh để cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh trong các lĩnh vực của Ngành. Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành kịp thời, hiệu quả hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn trong các lĩnh vực của Ngành, nhất là về quy hoạch, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản.

- Thực hiện: các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành, Trung tâm Thông tin; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2025 hoàn thành việc đưa vào vận hành kịp thời, hiệu quả hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu về quy hoạch, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; các công việc khác thực hiện hàng năm.

d) Đổi mới mạnh mẽ, phân công, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành. Củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ngành Xây dựng; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng từ Trung ương đến địa phương.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các Cục, Vụ chuyên ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

## **2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành Xây dựng.**

a) Xây dựng, thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2030, hướng tới các mục tiêu đủ năng lực thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô; Tiếp cận thị trường quốc tế, ứng dụng phát triển khoa học công nghệ trong thiết kế và thi công công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, dân dụng, công nghiệp; làm chủ công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu, từng bước nội địa hóa các thiết bị có giá trị và có hàm lượng khoa học cao; Tăng cường nghiên cứu, cung cấp các giải pháp xử lý phế thải, phụ phẩm từ quá trình sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt để thay thế khoáng sản tự nhiên làm vật liệu xây dựng; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy công trình xanh, tiết kiệm năng lượng.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, các Cục, Vụ có liên quan; các tổ chức khoa học công nghệ, các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: năm 2021 ban hành chiến lược và tổ chức thực hiện theo lộ trình được duyệt.



b) Áp dụng các thành quả của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước của Ngành; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng; quản lý phát triển đô thị thông minh.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Phát triển đô thị, Trung tâm Thông tin, các Cục, Vụ, Viện chuyên ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn thực hiện: hàng năm

c) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung ưu tiên phát triển công nghệ có khả năng ứng dụng cao phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đổi mới cơ chế, phương thức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học theo hướng cụ thể, thiết thực, lượng hóa được kết quả, đẩy mạnh tuyển chọn, đặt hàng nghiên cứu khoa học. Nâng cao tính tự chủ của các viện nghiên cứu theo lộ trình, thí điểm chuyển đổi một số viện sang mô hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, các Viện chuyên ngành, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, các Trường Đại học, cao đẳng, trung cấp nghề; các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

- Thời hạn thực hiện: hàng năm; trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện thí điểm chuyển đổi một số viện sang mô hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

### **3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế**

a) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược có phẩm chất tốt, có bản lĩnh chính trị, tinh chuyên nghiệp, có năng lực, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và quy hoạch sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp lâu dài.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Đến năm 2025 hoàn thành các mục tiêu của Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn và công nhân kỹ thuật; đảm bảo tỷ lệ công nhân xây dựng đã qua đào tạo đến năm 2025 đạt trên 50%, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ 100%; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia kỹ thuật, công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu thi công các công trình hiện đại, quy mô lớn, phức tạp cao.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các Cục, Vụ có liên quan; các doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo đại học và giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo; xây dựng chương trình đào tạo theo quy định phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp ngành Xây dựng; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp có đăng ký đào tạo chuyên ngành xây dựng thuộc các Bộ, ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

#### **4. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Xây dựng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, dựa trên nền tảng kinh tế số**

*4.1. Nâng cao năng lực ngành xây dựng, bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài.*

a) Xây dựng Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030; chú trọng thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng của Ngành. Thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, khoa học quản lý, quản trị doanh nghiệp; cải thiện tích cực tỷ lệ đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp trong tăng trưởng Ngành.

- Thực hiện: Vụ Kế hoạch Tài chính, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương; các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: năm 2022 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030 và tổ chức thực hiện theo lộ trình được duyệt.

b) Huy động tối đa các nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng; Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý đầu tư xây dựng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế.

- Thực hiện: Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế xây dựng, Vụ Pháp chế; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm. Giai đoạn 2021-2025 tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi bổ sung hoặc thay thế Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng.

c) Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng. Tăng cường kiểm soát chất lượng công trình xây dựng; thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ, chấp



hành quy định pháp luật của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng nhằm nâng cao chất lượng, giảm thiểu sự cố công trình xây dựng, chống thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện: Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Cục Kinh tế xây dựng, Thanh tra Bộ và các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm

d) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách để thúc đẩy hợp tác Nhà nước - Tư nhân trong đầu tư xây dựng. Hoàn thiện cơ chế và công cụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng gắn liền với phương thức đầu tư, hình thức thực hiện dự án, bao quát toàn bộ chi phí vòng đời sản phẩm xây dựng.

- Thực hiện: Cục Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng và các đơn vị có liên quan.

- Thời hạn hoàn thành: Đến năm 2025.

đ) Hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm thống nhất quản lý, đảm bảo khả năng kết nối, truy cập thông tin của các chủ thể có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng; khuyến khích áp dụng mô hình thiết kế xây dựng ảo trong đầu tư xây dựng trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo xuyên suốt giữa các giai đoạn từ thiết kế, lập dự toán, thi công xây dựng, vận hành, khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng.

- Thực hiện: Cục Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng và các đơn vị có liên quan.

- Thời hạn thực hiện: hàng năm

e) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số. Hoàn thiện kết nối cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; Hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia về thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.

Phần đầu tỷ lệ cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ lên cổng dịch vụ công quốc gia đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia và một cửa điện tử Bộ Xây dựng đến năm 2025 đạt 70%; năm 2030 đạt 100%.

- Thực hiện: Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, Cục Quản lý hoạt động xây dựng và các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

*4.2. Phát triển ngành vật liệu xây dựng thành một ngành kinh tế mạnh, trên*

*cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng đảm bảo phát triển hài hoà, bền vững giữa kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường, sinh thái.*

a) Phân đầu đến năm 2030 ngành vật liệu xây dựng đạt mức độ cao về công nghiệp hoá; hướng đến năm 2050 đạt trình độ là ngành công nghiệp hiện đại, công nghiệp xanh gắn với sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sử dụng tối đa công nghệ số, kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương và các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: theo tiến độ đề ra tại Chiến lược Phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

b) Năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cả về khối lượng, chất lượng lẫn chủng loại cho tiêu dùng trong nước và tham gia một phần xuất khẩu. Chú trọng đầu tư cải tạo, hiện đại hoá các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên nhiên liệu, không đáp ứng được các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương và các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Phát triển vật liệu xây dựng ngày càng chú trọng đến độ bền chịu lực, độ bền theo thời gian, tiết kiệm chi phí sản xuất và xây lắp, thích ứng với khí hậu tại nơi xây dựng công trình. Phát triển các loại vật liệu xây dựng thông minh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương và các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

*4.3. Hoàn thành công tác tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp ngành Xây dựng; đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.*

a) Hoàn thành công tác cổ phần hóa Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Tổng công ty Xi măng Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025; thực hiện thoái vốn nhà nước hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu theo kế hoạch được duyệt,



tuân thủ theo các nguyên tắc của thị trường, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất của nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

- Thực hiện: Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ và các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu.

- Thời hạn hoàn thành: theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Nâng cao năng lực tổ chức, quản lý thi công xây lắp theo hướng chuyên nghiệp hóa và chuyên môn hóa cao, làm chủ các công nghệ xây dựng tiên tiến, hiện đại để đảm nhận việc thi công các công trình có quy mô lớn, phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật thi công tiên tiến như: nhà ở và các công trình dân dụng cao trên 40 tầng; công trình công cộng nhịp lớn (cung thể thao, nhà thi đấu, sân vận động); công trình ven biển và ngoài khơi; công trình dạng tháp cao... Tiếp thu công nghệ xây dựng các công trình ngầm đô thị dạng tuyến và công trình ngầm dạng điểm sâu đến 30m.

- Thực hiện: Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Vụ Quản lý doanh nghiệp, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương và các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Trình duyệt và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

- Thời hạn hoàn thành: năm 2021 hoàn thành Đề án tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trình Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 2021-2025 thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục.

## **5. Phát triển kết cấu hạ tầng, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và góp phần đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới**

### *5.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị.*

a) Đổi mới tư duy và phương pháp quy hoạch đô thị. Nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn kết chặt chẽ giữa các cấp độ quy hoạch và các loại quy hoạch. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch bảo đảm công khai, minh bạch, đồng bộ. Gắn kết quy hoạch với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, bảo đảm nguồn lực thực hiện. Lồng ghép các mục tiêu thông minh, tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu trong công tác lập và quản lý quy hoạch.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Kiến trúc. Nâng cao chất lượng thiết kế kiến trúc ngang tầm với khu vực và quốc tế, bảo tồn phát huy giá trị các di sản kiến trúc dân tộc; hình thành một nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, phù hợp với từng vùng, miền.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Viện Kiến trúc quốc gia, các Cục, Vụ có liên quan; Hội Kiến trúc sư Việt Nam; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: năm 2021 hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” và tổ chức thực hiện theo lộ trình được duyệt.

*5.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách và công cụ quản lý để kiểm soát quá trình đô thị hóa.*

a) Xây dựng, trình Bộ Chính trị Nghị quyết về Đô thị hóa, phát triển đô thị và phát triển kinh tế đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để chỉ đạo xuyên suốt công tác xây dựng hệ thống đô thị Việt Nam phát triển bền vững. Cơ bản hoàn thành hệ thống thể chế, chính sách và công cụ quản lý thúc đẩy phát triển đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2021 hoàn thành, trình Bộ Chính trị Nghị quyết về Đô thị hóa, phát triển đô thị và phát triển kinh tế đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tổng kết tình hình thực hiện, rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Năm 2023 hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền Luật Quản lý phát triển đô thị.

b) Phát triển hệ thống đô thị quốc gia theo mô hình mạng lưới, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và đồng bộ về chất lượng đô thị, có kết nối chặt chẽ, hiệu quả; Gắn kết phát triển đô thị và phát triển nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách kinh tế - xã hội giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn.



- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Quy hoạch Kiến trúc, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2023 hoàn thành Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức thực hiện hiệu quả sau khi được phê duyệt.

Hàng năm tiến hành rà soát, lồng ghép các nội dung, định hướng phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, thông minh vào Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đồng bộ hóa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; Nâng cao hiệu quả đánh giá chất lượng đô thị, cải cách quy trình, tăng cường kiểm tra, giám sát.

c) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý phát triển khu vực đô thị theo hướng xanh, thông minh và ứng phó biến đổi khí hậu; Đổi mới mô hình phát triển đô thị, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sáng tạo của các đô thị gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Đa dạng hóa và khai thác sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển đô thị.

- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Tiếp tục thực hiện theo đúng lộ trình các Đề án “*Phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030*”; “*Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến 2030*”. Cụ thể hóa, rà soát, lồng ghép các chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị thông minh trong Chiến lược, kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đô thị hóa

*5.3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, liên kết chặt chẽ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng, gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.*

a) Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với thông lệ quốc tế (nhất là đầu tư theo hình thức PPP), bảo đảm đầu tư đồng bộ, hiệu quả và cân bằng lợi ích của các chủ thể.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

b) Nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo

Luật Quy hoạch đô thị và nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong các đồ án quy hoạch; tăng cường công tác kiểm soát, quản lý xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch. Đẩy mạnh quản lý phát triển không gian ngầm đô thị, nhất là công tác quy hoạch không gian ngầm ở các thành phố trực thuộc Trung ương. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, theo hướng tăng trưởng xanh, thông minh, nhất là các đô thị lớn, bảo đảm phát triển bền vững, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Xây dựng và triển khai chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật đến năm 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và có hiệu quả chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2016 - 2025; định hướng phát triển cấp, thoát nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

d) Rà soát, xây dựng chính sách khuyến khích áp dụng công nghệ số và mô hình quản lý thông minh trong quản lý, vận hành, khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn thực hiện: hàng năm.

## **6. Tập trung giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nhà ở cho thuê và nhà ở xã hội. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, ổn định**

*6.1. Giải quyết cơ bản yêu cầu về nhà ở cho người dân, mở rộng các loại hình nhà ở; có chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển nhà ở cho thuê và nhà ở xã hội.*

a) Phát triển nhà ở theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm môi trường sống, hạ tầng đồng bộ; tập trung giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp và các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở; bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục Phát triển đô thị, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm. Năm 2021 hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030 và tổ chức thực hiện hiệu quả.

b) Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho khoảng 600 nghìn hộ nghèo tại khu vực nông thôn khó khăn về nhà ở có chỗ ở ổn định, an toàn. Hoàn thành dứt điểm việc xóa nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố trên địa bàn cả nước.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: đến năm 2030.

c) Tăng tỷ trọng phát triển nhà ở theo dự án và nhà ở chung cư, nghiên cứu tham mưu các chính sách hỗ trợ đẩy mạnh phát triển nhà ở cho thuê, nhà ở giá rẻ. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở giá thấp theo hướng giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước; tạo nguồn vốn cho các đối tượng thu nhập thấp, khó khăn về nhà ở được vay ưu đãi, dài hạn để có chỗ ở ổn định.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương; các doanh nghiệp bất động sản.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

*6.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thị trường bất động sản phát triển ổn định, minh bạch thông tin, phù hợp quy luật cung cầu.*

a) Khai thác, sử dụng bất động sản hiệu quả, đặc biệt là bất động sản đất đai, khai thác tối đa nguồn lực từ đất đai, nhà và công trình trên đất phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển đa dạng các loại bất động sản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cân đối cung - cầu của từng phân khúc, từng địa phương và trong từng giai đoạn.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương; các doanh nghiệp bất động sản.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

b) Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hàng hóa bất động sản, đặc biệt là đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá rẻ, các công trình sản xuất, kinh doanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các đô thị. Chủ động kiểm soát, điều tiết và định hướng sự phát triển ổn định thị trường bất động sản, khắc phục tình trạng thị trường ngàm, phát triển tự phát và đầu cơ bất động sản.



- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương; các doanh nghiệp bất động sản.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện Hệ thống thông tin quản lý nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo kết nối và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Xây dựng cơ chế minh bạch đánh giá giá trị đất đai, bất động sản.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

d) Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia thị trường bất động sản theo cơ chế thị trường. Thường xuyên bám sát tình hình thị trường bất động sản, chủ động kiểm soát, điều tiết để kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật, thiên tai, đặc biệt là tác động của dịch covid - 19 để thị trường bất động sản phát triển ổn định, bền vững, từng bước khắc phục lệch pha cung - cầu, đảm bảo sự công khai, minh bạch.

- Thực hiện: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

## **7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, tác động của dịch bệnh.**

a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong các kế hoạch, chương trình, cam kết quốc tế của Chính phủ, Bộ Xây dựng về tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; trong đó chú trọng đến các đô thị, vùng chịu tác động lớn của thiên tai. Chủ động xây dựng kịch bản và đề xuất phương án ứng phó với các tình huống bất ngờ như thảm họa thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên diện rộng, yếu tố cực đoan do biến đổi khí hậu, môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát để bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thực hiện: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

b) Rà soát, nghiên cứu, bổ sung, lồng ghép các nội dung về ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh ... vào các văn bản quy phạm pháp

luật, cơ chế, chính sách, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, định mức kinh tế kỹ thuật.

- Thực hiện: Các Cục, Vụ chuyên ngành, Vụ Pháp chế, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm và theo tiến độ đã được phê duyệt tại Chương trình hành động.

d) Nghiên cứu cơ chế, chính sách huy động nhiều nguồn lực triển khai thực hiện các giải pháp công trình, phi công trình bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Nam Trung Bộ trong bối cảnh hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng tác động sâu rộng. Thúc đẩy nghiên cứu, áp dụng các công nghệ xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

- Thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

đ) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng. Nghiên cứu, thực hiện thí điểm một số dự án quy hoạch, chương trình ưu tiên trọng điểm phát triển đô thị xanh, sinh thái, kiến trúc xanh, mô hình kiến trúc, nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu.

- Thực hiện: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Cục Hạ tầng kỹ thuật, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm.

e) Xây dựng Chương trình phát triển vật liệu xây không nung giai đoạn 2021-2030. Xây dựng chính sách ưu tiên phát triển những công nghệ tiên tiến, hiện đại, mức độ tự động hóa cao sử dụng tối đa công nghệ số, công nghệ nano, sử dụng nhiên liệu tái chế, các loại chất thải công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, sinh hoạt để sản xuất vật liệu xây dựng; các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, cách âm, cách nhiệt, thân thiện với môi trường, vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng có thể tái chế. Tăng cường sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các công trình xây dựng và các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Viện Vật liệu xây dựng, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: hàng năm. Năm 2021 nghiên cứu xây dựng Chương trình phát triển vật liệu xây không nung giai đoạn 2021-2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

g) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá khâu khai thác, chế biến nguyên liệu, khoáng sản làm vật liệu xây dựng; loại bỏ các phương pháp khai thác thủ công, manh mún, lãng phí khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên, mất an toàn lao động, chất lượng kém, không đồng nhất. Tổ chức khai thác cắt tầng, khai thác sâu để tiết kiệm tài nguyên. Tổ chức khai thác chế biến tập trung theo mô hình sản xuất lớn nguyên liệu làm gốm sứ, tràng thạch để cung cấp cho các nhà máy sản xuất dưới dạng thương phẩm đã chế biến theo ký, mã hiệu riêng.

- Thực hiện: Vụ Vật liệu xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, các Cục, Vụ, Viện có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2021-2022 nghiên cứu xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

## **8. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; coi trọng công tác thông tin, truyền thông**

a) Nghiên cứu rà soát, lồng ghép, phát hiện các nội dung chưa tương thích với thông lệ quốc tế để điều chỉnh trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, các cam kết mở cửa thị trường ngành Xây dựng. Tích cực tham gia đàm phán xây dựng các cam kết mới trong các hiệp định song phương và đa phương.

- Thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp chế, các Cục, Vụ chuyên ngành; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

b) Tăng cường hợp tác song phương và đa phương nhằm huy động các nguồn lực cho phát triển ngành xây dựng như kinh nghiệm quản lý, công nghệ, chương trình, dự án ODA viện trợ không hoàn lại, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ngành xây dựng, xuất khẩu lao động. Chủ động xây dựng kế hoạch, tiếp cận các nhà tài trợ, đàm phán vận động các chương trình, dự án ODA theo lĩnh vực ưu tiên của ngành. Chủ trì, tổ chức tốt các Kỳ họp của các Ủy ban liên Chính phủ mà Bộ Xây dựng làm đồng Chủ tịch. Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các Bộ, ngành và doanh nghiệp tham gia thực hiện tốt các



nội dung cam kết tại các Biên bản Kỳ họp. Tổng kết, xây dựng kế hoạch hợp tác mới trên cơ sở quan tâm và lĩnh vực ưu tiên của các bên.

- Thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các Cục, Vụ chuyên ngành; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại các địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

c) Tham gia tốt công tác hội nhập kinh tế quốc tế, công tác đàm phán các hiệp định song phương, đa phương nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho Ngành. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, tổ chức tham vấn và đối thoại chuyên đề với doanh nghiệp, địa phương, mở các lớp tập huấn pháp luật về các cam kết và thách thức của ngành Xây dựng trong thời kỳ hội nhập. Thực hiện các cam kết hội nhập của Ngành trong WTO, APEC, ASEAN, ASEAN<sup>+</sup>. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai các FTA thế hệ mới và quan trọng như CPTPP, EVFTA, RCEP nhằm mang lại cơ hội hợp tác thương mại, đầu tư, công nghệ, lao động cho các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

- Thực hiện: Vụ Hợp tác quốc tế, các Cục, Vụ chuyên ngành; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

d) Coi trọng công tác truyền thông, tuyên truyền chính sách và tuyên truyền xây dựng Ngành. Thực hiện nghiêm quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về các hoạt động của Ngành và những vấn đề dư luận quan tâm; không để xảy ra khủng hoảng truyền thông ảnh hưởng đến hoạt động của Ngành.

- Thực hiện: Văn phòng Bộ, Trung tâm thông tin, các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

### **9. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính**

a) Chú trọng công tác xây dựng Đảng; tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên; nắm vững 5 nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; 5 phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các Cục, Vụ liên quan; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

b) Tiếp tục tập trung triển khai Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Kiện toàn bộ máy, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong Ngành; nâng cao năng lực, phẩm chất cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ chủ chốt; tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy dân chủ, nguyên tắc tập trung dân chủ. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ.

- Thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ, các Cục, Vụ liên quan; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

c) Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra và kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra trong sạch, vững mạnh. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung pháp luật về xây dựng và các pháp luật có liên quan, hoàn thiện pháp luật về xử lý các vi phạm trong hoạt động xây dựng toàn diện, phù hợp thực tiễn, phủ kín các hành vi. Tiếp tục phát huy vai trò đầu mối trong hoạt động thanh tra chuyên ngành Xây dựng toàn quốc trên cơ sở định hướng của Ngành, tăng cường hướng dẫn công tác chuyên môn tại các địa phương.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ, các Cục, Vụ liên quan; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền; điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng chống tham nhũng; xây dựng các quy định, hướng dẫn thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng thực chất, phù hợp với đặc điểm của Ngành và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Thực hiện: Thanh tra Bộ, các Cục, Vụ liên quan; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

đ) Kiểm soát việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện

quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và cập nhật đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tích cực triển khai thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; quán triệt thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính qua các hình thức trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện: Văn phòng Bộ, Trung tâm thông tin, các Cục, Vụ liên quan; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp ngành Xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

e) Bổ sung các quy định, nâng cao năng lực quản lý, quản trị và mở rộng dung lượng đầu vào của hệ thống Cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý phát triển đô thị. Tiếp tục số hóa và chuyên đổi dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị toàn quốc về định dạng phù hợp để đăng tải công khai lên mạng điện tử. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu quản lý nhà ở, thị trường bất động sản và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát triển đô thị có khả năng kết nối, tích hợp và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Thực hiện: Trung tâm thông tin, Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục Phát triển đô thị và các Cục, Vụ có liên quan; các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương.

- Thời hạn: thường xuyên hàng năm.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Lãnh đạo Bộ Xây dựng**

1.1. Tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình hành động trong các lĩnh vực công tác và đơn vị được phân công phụ trách; chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động.

1.2. Kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các đơn vị; trường hợp cần giải quyết các vấn đề khó hoặc có liên quan đến lĩnh vực do Thứ trưởng khác phụ trách thì chủ động trao đổi, giải quyết hoặc báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

#### **2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ**

2.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình hành động và Phụ lục kèm theo, kết hợp với nhiệm vụ của đơn vị, trước ngày 15/8/2021 xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để triển khai Chương trình hành động



của Bộ, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

2.2. Tập trung, chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được phân công cho đơn vị trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng. Tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

2.3. Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính định kỳ trước ngày 15/6 và 15/11 hàng năm.

### **3. Giám đốc Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố; Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh**

3.1. Căn cứ nội dung Chương trình hành động này, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm về quản lý nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương vào trong Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2021-2025.

3.2. Xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể của đơn vị mình, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, gửi báo cáo Bộ Xây dựng.

### **4. Trung tâm Thông tin, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng**

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Chương trình hành động này đến các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành Xây dựng, các hội, hiệp hội, các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng và tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành.

### **5. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính**

5.1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình này; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.2. Trong quá trình triển khai Chương trình hành động này, trường hợp cần thiết tổng hợp ý kiến của các đơn vị, báo cáo Bộ trưởng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung một số đề án, nhiệm vụ công việc giao cho Bộ Xây dựng trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP khi Chính phủ xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

5.2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội XIII, sau khi Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 được ban hành, khẩn trương xây

dụng Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025./.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Nghị**

**PHỤ LỤC**  
**Danh mục các chương trình, đề án cần triển khai**  
**để thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết**  
**Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**  
*(Kèm theo Quyết định số: 804 /QĐ-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng)*

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
1	Luật Quản lý phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Các cơ quan liên quan	2023	Quốc hội Chính phủ	Luật
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản	Cục Quản lý nhà và TT BĐS	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Quốc hội Chính phủ	Luật
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở	Cục Quản lý nhà và TT BĐS	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Quốc hội Chính phủ	Luật
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng	Cục Quản lý HĐXD	Các cơ quan liên quan	2025-2026	Quốc hội Chính phủ	Luật
5	Luật Cấp, thoát nước	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Các cơ quan liên quan	2022-2025	Quốc hội Chính phủ	Luật
6	Luật Quản lý không gian ngầm	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Các cơ quan liên quan	2024-2026	Quốc hội Chính phủ	Luật
7	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Vụ Quy hoạch Kiến trúc	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Quốc hội Chính phủ	Luật
8	Tổng kết tình hình thực hiện, rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị	Cục Phát triển đô thị	Các cơ quan liên quan	2021	UBTV Quốc hội, Chính phủ	Nghị quyết
9	Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các Bộ, ngành, địa phương	2021-2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
10	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Vụ Vật liệu xây dựng	Các Bộ, ngành, địa phương	2021-2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định



TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
11	Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Vụ Quy hoạch Kiến trúc	Các cơ quan liên quan	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
13	Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040	Cục Quản lý nhà và TT BĐS	Các Bộ, ngành, địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
14	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050	Cục Phát triển đô thị	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
15	Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2021 – 2030	Cục Phát triển đô thị	Các cơ quan liên quan	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 241/QĐ-TT ngày 24/02/2021
16	Chương trình thí điểm phát triển đô thị thông minh vùng đồng bằng sông Cửu Long	Cục Phát triển đô thị	Các bộ, ngành, địa phương triển khai thí điểm	2021-2025	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
17	Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030	Cục Phát triển đô thị	Các cơ quan liên quan	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 438/QĐ-TT ngày 25/3/2021
18	Đề án phát triển công trình xanh giai đoạn 2021-2030	Vụ Khoa học công nghệ và môi trường	Các cơ quan liên quan	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
19	Đề án thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn, xây dựng cơ chế quản lý cấp nước liên vùng	Cục Hạ tầng kỹ thuật	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Chính phủ	Quyết định
20	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045	Vụ Khoa học công nghệ và môi trường	Các cơ quan liên quan	2021	Bộ Xây dựng	Quyết định